

Công văn

Tiền Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2018

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 4/2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

"4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần Hùng Vương;

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) có giải trình như sau:

CHỈ TIÊU	QUÝ 4/2018	QUÝ 4/2017	CHÊNH LỆCH Giá trị (đồng)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.613.067.202.106	3.284.249.365.486	(1.671.182.163.380)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.123.807.266	45.573.170.514	(31.449.363.248)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.598.943.394.840	3.238.676.194.972	(1.639.732.800.132)
4. Giá vốn hàng bán	1.438.828.644.781	2.973.739.933.477	(1.534.911.288.696)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.114.750.059	264.936.261.495	(104.821.511.436)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	243.474.968.443	17.034.130.534	226.440.837.909
7. Chi phí tài chính	36.759.563.510	156.584.634.125	(119.825.070.615)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	61.565.854.206	134.707.429.402	(73.141.575.196)
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(44.712.784.222)	(9.463.025.570)	(35.249.758.652)
9. Chi phí bán hàng	51.096.566.515	125.105.028.493	(74.008.461.978)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.746.239.707	596.074.074.679	(571.327.834.972)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	246.274.564.548	(605.256.370.838)	851.530.935.386
12. Thu nhập khác	239.897.597.697	4.429.151.148	235.468.446.549
13. Chi phí khác	103.388.443.617	3.261.834.980	100.126.608.637
14. Lợi nhuận khác	136.509.154.080	1.167.316.168	135.341.837.912
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	382.783.718.628	(604.089.054.670)	986.872.773.298
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	758.048.428	(1.820.412.904)	2.578.461.332
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8.851.023.609	5.858.694.552	2.992.329.057
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	373.174.646.591	(608.127.336.318)	981.301.982.909
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	365.908.579.980	(574.981.880.883)	940.890.460.864
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	7.266.066.611	(33.145.455.435)	40.411.522.045
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.648	(2.519)	4.167
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.648	(2.519)	4.167

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 50,8% (tương ứng gần 1.671,1 tỷ đồng) chủ yếu do các nguyên nhân:
 - Doanh thu xuất khẩu thủy sản giảm gần 1.489,8 tỷ đồng – chủ yếu do việc thoái vốn khỏi Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (từ 31/12/2017)
 - Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi giảm 229,2 tỷ đồng – chủ yếu do việc thoái vốn khỏi Công ty CP TÁC N VIỆT THẮNG (từ 30/6/2018)
2. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.329,3% (tương ứng 226,4 tỷ đồng) chủ yếu khoản lãi 224,7 tỷ đồng từ việc thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (HOSE: VTF, chuyển loại hình đầu tư từ công ty con thành công ty liên kết).
3. Chi phí tài chính giảm 76,5% (tương ứng 119,8 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:
 - Giảm chi phí lãi vay 73,1 tỷ đồng;
 - Lỗi chênh lệch tỷ giá giảm gần 17,8 tỷ đồng;
 - Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính 32,6 tỷ đồng từ việc thoái hết vốn đầu tư tại Công ty CP XNK Lâm Thủy Sản Bến Tre;
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 95,8% (tương ứng 571,3 tỷ đồng) chủ yếu do việc giảm trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 543 tỷ đồng so với quý 4 năm 2017.
5. Lợi nhuận khác tăng 135,3 tỷ đồng, tương đương 11.594% so với quý 4 năm 2017 chủ yếu do việc thanh lý các tài sản và bất động sản trong quý 4 năm 2018.
6. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2018 tăng 981,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 4 năm 2018 so với quý 4 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.



DƯƠNG NGỌC MINH

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán